

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS - ST

Ngày: 25/01/2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hồng Điệp.

2. Ông Hà Phương Đông.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chí Điều – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST – DS ngày 08 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2021/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thúy H – Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 400/GUQ-NHNo.LP ngày 22/6/2021); Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị P; sinh năm: 1971; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020, cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Vào ngày 01 tháng 6 năm 2015, ông Nguyễn Văn S và Agribank – Chi nhánh huyện L thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 7603LAV 201501309/HĐTD, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi suất biến đổi, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn. Chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống của hộ gia đình. Cho vay không có tài sản bảo đảm theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, tài sản dùng để vay vốn là bản chính quyền sử dụng đất số BN 870098, sổ vào sổ cấp GCN: CH00903 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 21/4/2014; thửa đất số 49; tờ bản đồ số 02, diện tích thửa đất 4390m² ; địa chỉ thửa đất: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 19/6/2017, ông Nguyễn Văn S nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 11% năm, lãi suất quá hạn 16,5% năm, hạn trả 19/6/2020.

Đến ngày 20/11/2020, ông Nguyễn Văn S còn nợ Agribank – Chi nhánh huyện L tổng số tiền 28.163.658 đồng, trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nợ lãi vay tạm tính đến 20/11/2020 là 8.163.658 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn S hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng N do Agribank – Chi nhánh huyện L đại diện nhận tổng số tiền 32.060.370 đồng (ba mươi hai triệu, không trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng), trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 12.060.370 đồng (mười hai triệu, không trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng) và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc. Khi Ông S hoàn tất việc thanh toán đầy đủ gốc và lãi cho Ngân hàng, thì Ngân hàng đồng ý giao trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 870098, sổ vào sổ cấp GCN: CH00903 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 21/4/2014.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 32.060.370 đồng (ba mươi hai triệu, không trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng), trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 12.060.370 đồng (mười hai triệu, không trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng) và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho Ông S và bà P được vì Ông S đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho Ông S và bà P. Bị đơn Ông S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bị vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, do đó quan hệ pháp luật được xác định lại là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nợ lãi vay tạm tính đến xét xử là 12.060.370 đồng (mười hai triệu, không trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng N có cung cấp các Bản sao giấy đề nghị kiểm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng số 7603LAV 201501309/HĐTD ngày 01/6/2015 và Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 19/6/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân (Bút lục 02, 03, 04, 06) thể hiện chữ ký của Ông S ở bên vay. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật, đồng thời quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho Ông S biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng Ông S không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh. nên Hội đồng xét xử khẳng định Ông S đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) . Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì Ông S không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc Ông S không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, Ông S là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn Ông S hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại Điều 1 của phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 19/6/2017 thì Ngân hàng và Ông S đã giao kết mức lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 16,5%/năm, nên Ông S phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Ông S phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: với số tiền lãi là 12.060.370 đồng (mười hai triệu, không trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng).

Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N dư nợ tính đến ngày xét xử số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 12.060.370 đồng (mười hai triệu, không trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng) và lãi phát sinh cho đến khi hoàn trả xong nợ gốc.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu 1.603.018 đồng (Một triệu sáu trăm lẻ ba ngàn, không trăm mười tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày xét xử với số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 12.060.370 đồng (mười hai triệu, không trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng) (mười hai triệu, không trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng) và Ông S còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/01/2022 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng đồng ý giao trả lại bản chính quyền sử dụng đất số BN 870098, sổ vào sổ cấp GCN: CH00903 do Ủy ban nhân dân

huyện L cấp ngày 21/4/2014; thửa đất số 49; tờ bản đồ số 02, diện tích thửa đất 4390m² khi Ông S hoàn tất việc thanh toán đủ gốc và lãi cho Ngân hàng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn S phải chịu 1.603.018 đồng (Một triệu sáu trăm lẻ ba ngàn, không trăm mười tám đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 704.091 đồng (Bảy trăm lẻ bốn ngàn, không trăm chín mươi một đồng) theo biên lai thu số 0008169 ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà